

QUYẾT ĐỊNH

Danh sách thí sinh đăng ký dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đợt thi ngày 14 tháng 9 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế này;

Căn cứ Công văn số 3465/BGDĐT-QLCL ngày 8 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đồng ý cho Trường Đại học Quy Nhơn tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 2670/KH-ĐHQN ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc tổ chức kỳ thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đợt thi ngày 14 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-ĐHQN ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc thành lập Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đợt thi ngày 14 tháng 9 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Quy Nhơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Danh sách thí sinh đăng ký dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đợt thi ngày 14 tháng 9 năm 2025 gồm 139 thí sinh có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2: Các thí sinh đăng ký dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đợt thi ngày 14 tháng 9 năm 2025 phải thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định của Quy chế hiện hành.

Điều 3: Các Trưởng ban thuộc Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ và các thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTNN.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đoàn Đức Tùng

**DANH SÁCH THI SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

Đợt thi ngày 14 tháng 9 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-ĐHQN-HĐTĐGNLNN ngày 08 tháng 9 năm 2025)

TT	Phòng thi	Số báo danh	Mã hồ sơ	Bậc thi đăng ký	Họ	Tên	CMND /CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	Phòng 1	TA0001	HS0001	B1B2C1	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	052305005786	Nữ	18/10/2005	Gia Lai
2	Phòng 1	TA0002	HS0002	B1B2C1	Nguyễn Quỳnh	Anh	052197004046	Nữ	22/03/1997	Đồng Nai
3	Phòng 1	TA0003	HS0003	B1B2C1	Phạm Thị Huyền	Anh	054301005951	Nữ	27/03/2001	Đắk Lắk
4	Phòng 1	TA0004	HS0004	B1B2C1	Giáp Thị Kim	Anh	056198006567	Nữ	12/05/1998	Khánh Hòa
5	Phòng 1	TA0005	HS0005	B1B2C1	Lê Trâm	Anh	052303005568	Nữ	20/02/2003	Gia Lai
6	Phòng 1	TA0006	HS0006	B1B2C1	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	052199015038	Nữ	06/12/1999	Gia Lai
7	Phòng 1	TA0007	HS0007	B1B2C1	Nguyễn Hoàng	Bảo	052093022092	Nam	30/10/1993	Gia Lai
8	Phòng 1	TA0008	HS0008	B1B2C1	Đàm Thị	Bé	066303006779	Nữ	15/03/2003	Đắk Lắk
9	Phòng 1	TA0009	HS0009	B1B2C1	Ksor H'	Boanh	064301004002	Nữ	24/07/2001	Gia Lai
10	Phòng 1	TA0010	HS0010	B1B2C1	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	052303003141	Nữ	30/11/2003	Gia Lai
11	Phòng 1	TA0011	HS0011	B1B2C1	Nguyễn Thị Kim	Chi	054183001497	Nữ	01/05/1983	Đắk Lắk
12	Phòng 1	TA0012	HS0012	B1B2C1	Huỳnh Tiến	Chức	051204009214	Nam	14/04/2004	Quảng Ngãi
13	Phòng 1	TA0013	HS0013	B1B2C1	Trần Thị Cẩm	Chức	052304006848	Nữ	16/03/2004	Gia Lai
14	Phòng 1	TA0014	HS0014	B1B2C1	Phạm Thanh	Chương	052095016691	Nam	15/11/1995	Gia Lai
15	Phòng 1	TA0015	HS0015	B1B2C1	Triệu Lê Quốc	Đạt	052203011131	Nam	25/08/2003	Gia Lai
16	Phòng 1	TA0016	HS0016	B1B2C1	Linh Hồng	Đạt	064203008594	Nam	03/06/2003	Gia Lai
17	Phòng 1	TA0017	HS0017	B1B2C1	Nguyễn Ngọc	Điệp	052204011120	Nam	20/11/2004	Gia Lai
18	Phòng 1	TA0018	HS0018	B1B2C1	Phạm Thị Mỹ	Diệu	054300000866	Nữ	05/03/2000	Đắk Lắk
19	Phòng 1	TA0019	HS0019	B1B2C1	Phạm Hồ Khánh	Đoan	052304000909	Nữ	25/05/2004	Gia Lai
20	Phòng 1	TA0020	HS0020	B1B2C1	Phạm Thị Thùy	Dung	064195008781	Nữ	20/02/1995	Gia Lai
21	Phòng 2	TA0021	HS0021	B1B2C1	Trần Lê Ngọc	Dung	049196008636	Nữ	01/03/1996	Đà Nẵng
22	Phòng 2	TA0022	HS0022	B1B2C1	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	052199012480	Nữ	01/01/1999	Gia Lai
23	Phòng 2	TA0023	HS0023	B1B2C1	Vương Thị Linh	Duyên	054303003133	Nữ	07/03/2003	Đắk Lắk
24	Phòng 2	TA0024	HS0024	B1B2C1	Nguyễn Trọng	Giáp	064204016024	Nam	21/04/2004	Gia Lai
25	Phòng 2	TA0025	HS0025	B1B2C1	Bùi Hồ Ngọc	Hà	052304001989	Nữ	18/05/2004	Gia Lai
26	Phòng 2	TA0026	HS0026	B1B2C1	Đinh Thị	Hà	038177011475	Nữ	03/07/1997	Lâm Đồng
27	Phòng 2	TA0027	HS0027	B1B2C1	Văn Thanh	Hạ	052300012889	Nữ	24/09/2000	Gia Lai
28	Phòng 2	TA0028	HS0028	B1B2C1	Nguyễn Quang	Hải	052094004200	Nam	12/06/1994	Gia Lai
29	Phòng 2	TA0029	HS0029	B1B2C1	Nguyễn Thị Mỹ	Hải	054187000573	Nữ	15/06/1987	Đắk Lắk
30	Phòng 2	TA0030	HS0030	B1B2C1	Nguyễn Hoàng Thục	Hân	054304010401	Nữ	19/09/2004	Đắk Lắk
31	Phòng 2	TA0031	HS0031	B1B2C1	Lê Như	Hằng	051199007223	Nữ	15/05/1999	Quảng Ngãi
32	Phòng 2	TA0032	HS0032	B1B2C1	Lê Thị	Hằng	064187001347	Nữ	15/04/1987	Gia Lai
33	Phòng 2	TA0033	HS0033	B1B2C1	Trương Thị Mỹ	Hằng	054304000521	Nữ	15/08/2004	Đắk Lắk
34	Phòng 2	TA0034	HS0034	B1B2C1	Nguyễn Thu	Hằng	054303004038	Nữ	10/02/2003	Đắk Lắk
35	Phòng 2	TA0035	HS0035	B1B2C1	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	064301012712	Nữ	30/07/2001	Gia Lai
36	Phòng 2	TA0036	HS0036	B1B2C1	Nguyễn Lê Hoàng	Hạnh	052304003806	Nữ	30/06/2004	Gia Lai
37	Phòng 2	TA0037	HS0037	B1B2C1	Vũ Thị	Hiên	030195004253	Nữ	13/06/1995	Hải Phòng

TT	Phòng thi	Số báo danh	Mã hồ sơ	Bậc thi đăng ký	Họ	Tên	CMND /CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
38	Phòng 2	TA0038	HS0038	B1B2C1	Mai Thị Thúy	Hiền	052301005760	Nữ	30/05/2001	Gia Lai
39	Phòng 2	TA0039	HS0039	B1B2C1	Hoàng Thị	Hoa	066196018586	Nữ	20/10/1996	Đắk Lắk
40	Phòng 2	TA0040	HS0040	B1B2C1	Trương Thị	Hoa	042184009390	Nữ	12/11/1984	Gia Lai
41	Phòng 3	TA0041	HS0041	B1B2C1	Ksor	Hoai	064301004817	Nữ	08/08/2001	Gia Lai
42	Phòng 3	TA0042	HS0042	B1B2C1	Nguyễn Văn	Hoàng	064093010989	Nam	24/04/1993	Gia Lai
43	Phòng 3	TA0043	HS0043	B1B2C1	Vũ Thị Tuyết	Hồng	064303004615	Nữ	17/10/2003	Gia Lai
44	Phòng 3	TA0044	HS0044	B1B2C1	Trương Nguyễn Ánh	Huệ	056302011826	Nữ	15/10/2002	Khánh Hòa
45	Phòng 3	TA0045	HS0045	B1B2C1	Nguyễn Quốc	Hung	051206009217	Nam	27/12/2006	Quảng Ngãi
46	Phòng 3	TA0046	HS0046	B1B2C1	Trần Thị Lan	Hương	064303014242	Nữ	05/09/2003	Gia Lai
47	Phòng 3	TA0047	HS0047	B1B2C1	Đặng Ngọc	Huyền	056194002516	Nữ	20/01/1994	Khánh Hòa
48	Phòng 3	TA0048	HS0048	B1B2C1	Vũ Thị Thanh	Huyền	056196001005	Nữ	29/09/1996	Khánh Hòa
49	Phòng 3	TA0049	HS0049	B1B2C1	Mai Thị Lệ	Huyền	052185010736	Nữ	07/03/1985	Gia Lai
50	Phòng 3	TA0050	HS0050	B1B2C1	Phạm Thị Ngọc	Huyền	051304006031	Nữ	10/03/2004	Quảng Ngãi
51	Phòng 3	TA0051	HS0051	B1B2C1	Lương Công	Khang	054204001572	Nam	25/01/2004	Đắk Lắk
52	Phòng 3	TA0052	HS0052	B1B2C1	Nguyễn Mạch Nhã	Kỳ	054304009265	Nữ	25/05/2004	Đắk Lắk
53	Phòng 3	TA0053	HS0053	B1B2C1	Phạm Thị Minh	Kỳ	054189009067	Nữ	01/08/1989	Đắk Lắk
54	Phòng 3	TA0054	HS0054	B1B2C1	Trần Ngọc	Lan	054301003251	Nữ	15/04/2001	Đắk Lắk
55	Phòng 3	TA0055	HS0055	B1B2C1	Trần Thị Mỹ	Lệ	052189017953	Nữ	16/11/1989	Gia Lai
56	Phòng 3	TA0056	HS0056	B1B2C1	Nguyễn Thị	Liên	052194015836	Nữ	30/06/1994	Gia Lai
57	Phòng 3	TA0057	HS0057	B1B2C1	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	052189012243	Nữ	22/06/1989	Gia Lai
58	Phòng 3	TA0058	HS0058	B1B2C1	Võ Thị Thu	Liễu	056197010102	Nữ	12/09/1997	Khánh Hòa
59	Phòng 3	TA0059	HS0059	B1B2C1	Phạm Nguyễn Phương	Linh	056195005775	Nữ	08/06/1995	Khánh Hòa
60	Phòng 3	TA0060	HS0060	B1B2C1	Trần Thị	Lợi	056194011935	Nữ	10/09/1994	Khánh Hòa
61	Phòng 4	TA0061	HS0061	B1B2C1	Trần Lê Đại	Long	052200006151	Nam	09/04/2000	Gia Lai
62	Phòng 4	TA0062	HS0062	B1B2C1	Nguyễn Võ Ngọc	Lừu	054303003186	Nữ	20/09/2003	Đắk Lắk
63	Phòng 4	TA0063	HS0063	B1B2C1	Phạm Thị	Luyến	064193008176	Nữ	13/05/1993	Gia Lai
64	Phòng 4	TA0064	HS0064	B1B2C1	Trần Thị Cẩm	Ly	054303003992	Nữ	20/09/2003	Đắk Lắk
65	Phòng 4	TA0065	HS0065	B1B2C1	Cao Cẩm	Ly	052305014026	Nữ	18/07/2005	Gia Lai
66	Phòng 4	TA0066	HS0066	B1B2C1	Nguyễn Thị	Ly	049304012977	Nữ	16/02/2004	Đà Nẵng
67	Phòng 4	TA0067	HS0067	B1B2C1	Nah Ria	Mai	068190001793	Nữ	01/12/1990	Lâm Đồng
68	Phòng 4	TA0068	HS0068	B1B2C1	Phạm Thị Yên	My	052301008484	Nữ	09/06/2001	Gia Lai
69	Phòng 4	TA0069	HS0069	B1B2C1	Nguyễn Nguyễn Hoài	Mỹ	052305000594	Nữ	26/07/2005	Gia Lai
70	Phòng 4	TA0070	HS0070	B1B2C1	Huỳnh Đặng Ly	Na	052304009097	Nữ	03/07/2004	Gia Lai
71	Phòng 4	TA0071	HS0071	B1B2C1	Trần Thị Thanh	Ngân	052304010161	Nữ	10/08/2004	Gia Lai
72	Phòng 4	TA0072	HS0072	B1B2C1	Nguyễn Lê Kiều	Ngân	052302011337	Nữ	01/01/2002	Gia Lai
73	Phòng 4	TA0073	HS0073	B1B2C1	Trịnh Huỳnh Bảo	Ngân	052303012821	Nữ	18/10/2003	Gia Lai
74	Phòng 4	TA0074	HS0074	B1B2C1	Huỳnh Thị Ánh	Ngọc	052304000910	Nữ	19/12/2004	Gia Lai
75	Phòng 4	TA0075	HS0075	B1B2C1	Cao Hoàng	Nguyên	054203010294	Nam	08/11/2003	Đắk Lắk
76	Phòng 4	TA0076	HS0076	B1B2C1	Lê Vũ Như	Nguyên	051304013130	Nữ	04/12/2004	Quảng Ngãi
77	Phòng 4	TA0077	HS0077	B1B2C1	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	052188013963	Nữ	10/11/1988	Gia Lai
78	Phòng 4	TA0078	HS0078	B1B2C1	Phan Bùi Trung	Nguyên	064094001690	Nam	29/09/1994	Gia Lai
79	Phòng 4	TA0079	HS0079	B1B2C1	Ksor Hồng	Nguyệt	054300000886	Nữ	12/04/2000	Đắk Lắk
80	Phòng 4	TA0080	HS0080	B1B2C1	Phan Thị Hồng	Nhi	054304000319	Nữ	10/12/2004	Đắk Lắk
81	Phòng 5	TA0081	HS0081	B1B2C1	Phạm Tuyết	Nhi	054304001619	Nữ	12/05/2004	Đắk Lắk

TT	Phòng thi	Số báo danh	Mã hồ sơ	Bậc thi đăng ký	Họ	Tên	CMND /CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
82	Phòng 5	TA0082	HS0082	B1B2C1	Tô Nữ Huỳnh	Nhi	052304016533	Nữ	06/07/2004	Gia Lai
83	Phòng 5	TA0083	HS0083	B1B2C1	Nguyễn Thị Yến	Nhi	052303010380	Nữ	09/12/2003	Gia Lai
84	Phòng 5	TA0084	HS0084	B1B2C1	Nguyễn Trần Hải	Nhi	064197011891	Nữ	25/11/1997	Gia Lai
85	Phòng 5	TA0085	HS0085	B1B2C1		Nhoi	064300004089	Nữ	16/03/2000	Gia Lai
86	Phòng 5	TA0086	HS0086	B1B2C1	Kiều Nữ Quỳnh	Như	051304002107	Nữ	16/08/2004	Quảng Ngãi
87	Phòng 5	TA0087	HS0087	B1B2C1	Nguyễn Mỹ	Nhung	052302005501	Nữ	06/08/2002	Gia Lai
88	Phòng 5	TA0088	HS0088	B1B2C1	Trần Thị Hồng	Nhung	054304000119	Nữ	09/02/2004	Đắk Lắk
89	Phòng 5	TA0089	HS0089	B1B2C1	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	052199002558	Nữ	17/12/1999	Gia Lai
90	Phòng 5	TA0090	HS0090	B1B2C1	Nguyễn Thị	Nữ	052192007600	Nữ	12/04/1992	Gia Lai
91	Phòng 5	TA0091	HS0091	B1B2C1	Nguyễn Nam Tâm	Phúc	066204018565	Nam	06/01/2004	Đắk Lắk
92	Phòng 5	TA0092	HS0092	B1B2C1	Nguyễn Hồng	Phúc	054304000177	Nữ	10/09/2004	Đắk Lắk
93	Phòng 5	TA0093	HS0093	B1B2C1	Nguyễn Thị Hoài	Phương	052302007798	Nữ	22/12/2002	Gia Lai
94	Phòng 5	TA0094	HS0094	B1B2C1	Lữ Thị	Phượng	052197006639	Nữ	02/01/1997	Gia Lai
95	Phòng 5	TA0095	HS0095	B1B2C1	Ksor H'	Piên	064303008000	Nữ	26/03/2003	Gia Lai
96	Phòng 5	TA0096	HS0096	B1B2C1	Võ Thị Như	Quỳnh	052302010562	Nữ	19/05/2002	Gia Lai
97	Phòng 5	TA0097	HS0097	B1B2C1	Văn Thị Như	Quỳnh	054304008367	Nữ	30/09/2004	Đắk Lắk
98	Phòng 5	TA0098	HS0098	B1B2C1	Trần Thúy	Quỳnh	054197009698	Nữ	27/12/1997	Đắk Lắk
99	Phòng 5	TA0099	HS0099	B1B2C1	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh	054300002854	Nữ	22/01/2000	Đắk Lắk
100	Phòng 5	TA0100	HS0100	B1B2C1	Phạm Thị	Quỳnh	038190051335	Nữ	21/09/1990	Thanh Hóa
101	Phòng 6	TA0101	HS0101	B1B2C1	Ksor Hờ	Rin	054195001417	Nữ	30/04/1995	Đắk Lắk
102	Phòng 6	TA0102	HS0102	B1B2C1	Võ Thị Như	Sang	054199008317	Nữ	07/05/1999	Đắk Lắk
103	Phòng 6	TA0103	HS0103	B1B2C1	Châu Anh	Tài	054204000875	Nam	28/01/2004	Đắk Lắk
104	Phòng 6	TA0104	HS0104	B1B2C1	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	064304007464	Nữ	04/10/2004	Gia Lai
105	Phòng 6	TA0105	HS0105	B1B2C1	Lý Thị Hồng	Thả	052197003820	Nữ	17/02/1997	Gia Lai
106	Phòng 6	TA0106	HS0106	B1B2C1	Nguyễn Thu	Thảo	064192011025	Nữ	12/06/1992	Gia Lai
107	Phòng 6	TA0107	HS0107	B1B2C1	Dương Kiều Bích	Thảo	052196009450	Nữ	27/01/1996	Gia Lai
108	Phòng 6	TA0108	HS0108	B1B2C1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	054304000245	Nữ	11/10/2004	Đắk Lắk
109	Phòng 6	TA0109	HS0109	B1B2C1	Nguyễn Đặng Cao	Thế	054098006970	Nam	04/10/1998	Đắk Lắk
110	Phòng 6	TA0110	HS0110	B1B2C1	Nguyễn Trần Anh	Thi	052303011735	Nữ	09/06/2003	Gia Lai
111	Phòng 6	TA0111	HS0111	B1B2C1		Thoi	064199014882	Nữ	05/02/1999	Gia Lai
112	Phòng 6	TA0112	HS0112	B1B2C1	Võ Ngọc Anh	Thư	052306007410	Nữ	15/05/2006	Gia Lai
113	Phòng 6	TA0113	HS0113	B1B2C1	Trần Thị Mỹ	Thương	052196007245	Nữ	30/11/1996	Gia Lai
114	Phòng 6	TA0114	HS0114	B1B2C1	Lê Hà Diễm	Thúy	054197010851	Nữ	18/06/1997	Đắk Lắk
115	Phòng 6	TA0115	HS0115	B1B2C1	Đào Thị	Tình	066303008895	Nữ	23/03/2003	Đắk Lắk
116	Phòng 6	TA0116	HS0116	B1B2C1	Trần Ngọc	Tinh	064098007957	Nam	28/02/1998	Gia Lai
117	Phòng 6	TA0117	HS0117	B1B2C1	Nguyễn Thị	Tịnh	052300006893	Nữ	08/08/2000	Gia Lai
118	Phòng 6	TA0118	HS0118	B1B2C1	Kiều Nguyên	Trâm	048305002084	Nữ	27/06/2005	Đà Nẵng
119	Phòng 6	TA0119	HS0119	B1B2C1	Đỗ Thị Thu	Trâm	052194008750	Nữ	20/11/1994	Gia Lai
120	Phòng 6	TA0120	HS0120	B1B2C1	Nguyễn Bảo	Trân	052202011595	Nam	02/04/2002	Gia Lai
121	Phòng 7	TA0121	HS0121	B1B2C1	Nguyễn Hồ Bảo	Trân	052303002464	Nữ	21/02/2003	Gia Lai
122	Phòng 7	TA0122	HS0122	B1B2C1	Nguyễn Thị Đoan	Trang	064303001419	Nữ	08/01/2003	Gia Lai
123	Phòng 7	TA0123	HS0123	B1B2C1	Nguyễn Thị Quy	Trang	052304012505	Nữ	23/10/2004	Gia Lai
124	Phòng 7	TA0124	HS0124	B1B2C1	Lê Thị Huỳnh	Trang	052187000789	Nữ	05/10/1987	Gia Lai
125	Phòng 7	TA0125	HS0125	B1B2C1	Lê Thị Diễm	Trinh	052301011900	Nữ	06/08/2001	Gia Lai

TT	Phòng thi	Số báo danh	Mã hồ sơ	Bậc thi đăng ký	Họ	Tên	CMND /CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
126	Phòng 7	TA0126	HS0126	B1B2C1	Phạm Xuân	Trung	052200011059	Nam	22/11/2000	Gia Lai
127	Phòng 7	TA0127	HS0127	B1B2C1	Nguyễn Nhật	Truyền	054203001722	Nam	08/11/2003	Đắk Lắk
128	Phòng 7	TA0128	HS0128	B1B2C1	Lê Cẩm	Tú	064303003217	Nữ	01/10/2003	Gia Lai
129	Phòng 7	TA0129	HS0129	B1B2C1	Trần Lệ	Tuyền	052301014327	Nữ	13/03/2001	Gia Lai
130	Phòng 7	TA0130	HS0130	B1B2C1	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	052303008546	Nữ	19/02/2003	Gia Lai
131	Phòng 7	TA0131	HS0131	B1B2C1	Võ Nguyễn Hạnh	Uyên	064304004180	Nữ	04/12/2004	Gia Lai
132	Phòng 7	TA0132	HS0132	B1B2C1	Mai Lê Thục	Uyên	054301006598	Nữ	08/05/2001	Đắk Lắk
133	Phòng 7	TA0133	HS0133	B1B2C1	Nguyễn Hồng	Vân	052194000467	Nữ	02/02/1994	Gia Lai
134	Phòng 7	TA0134	HS0134	B1B2C1	Nguyễn Thị Tường	Vi	056185012540	Nữ	11/03/1985	Khánh Hòa
135	Phòng 7	TA0135	HS0135	B1B2C1	Nguyễn Lê	Viên	054303009204	Nữ	11/10/2003	Đắk Lắk
136	Phòng 7	TA0136	HS0136	B1B2C1	Hoàng Xuân	Vinh	052200006683	Nam	14/08/2000	Gia Lai
137	Phòng 7	TA0137	HS0137	B1B2C1	Đào Thảo	Vy	052195012908	Nữ	15/06/1995	Gia Lai
138	Phòng 7	TA0138	HS0138	B1B2C1	Lưu Thị Kim	Yến	054186000227	Nữ	27/09/1986	Đắk Lắk
139	Phòng 7	TA0139	HS0139	B1B2C1	Nguyễn Lê Ngọc	Yến	056195017681	Nữ	30/06/1995	Khánh Hòa

Danh sách gồm có 139 thí sinh